

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2021/HS-ST

Ngày: 13-10-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Phú Hữu.

2. Ông Bùi Văn Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Ngô Quốc Huy – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 68/2021/TLST-HS ngày 21 tháng 7 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 214/2021/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 8 năm 2021 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 193/TB-TA, ngày 17 tháng 9 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trần Thị Tuyết S, sinh năm 1962, tại Bình Định; Nơi thường trú: Thôn K, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định, đã xóa sổ hộ khẩu. Chỗ ở: Tổ A, ấp Đ, xã M, huyện C, tỉnh An Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn Giáo: Không; Giới tính: Nữ; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Con ông Trần H (chết) và bà Nguyễn Thị T (chết); chung sống như vợ chồng với Lê Văn Bé S, sinh năm 1987, chưa có con; Tiền sự: Không;

Tiền án: 01, ngày 29/01/2008, bị Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xử phạt 06 tháng tù về tội “Đánh bạc” tại Bản án số 05/HSST, chưa chấp hành xong hình phạt bổ sung bằng tiền.

Nhân thân:

- Ngày 01/02/2002, bị Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xử phạt 12 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” theo Bản án số 03/HSST ngày 01/02/2002.

- Ngày 30/3/2012, bị Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 72/HSST ngày 30/3/2012.

- Ngày 31/5/2013, bị Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 71/HSST ngày 31/5/2013.

- Ngày 19/02/2016, bị Tòa án nhân dân Quận 5, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/4/2018.

Tạm giữ ngày 05/01/2021, tạm giam ngày 14/01/2021, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Tháp.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1. Hồ Thị Đ, sinh năm 1959 (vắng mặt).

Cư trú: Số A, đường T, khóm M, phường MP, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Thái Thị Ánh T, sinh năm 1962 (vắng mặt).

Cư trú: Tổ A, khóm B, Phường E, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người làm chứng:

1. Cao Thanh T, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Cư trú: Tổ M, khóm N, Phường E, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Lê Văn Bé S, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Cư trú: Tổ A, ấp Đ, xã M, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 05 giờ ngày 05/01/2021, Trần Thị T S nhờ anh Lê Văn Bé S sinh năm 1987, ngụ Tổ A, ấp Đ, xã M, huyện C, tỉnh An Giang là người sống chung như vợ chồng với S chở đến Bệnh viện Đa khoa Đồng Tháp tại Tổ C, Ấp B, xã MT, thành phố C để khám bệnh. Đến khoảng 06 giờ 10 phút cùng ngày, trong lúc chờ đến số thứ tự khám bệnh, S quan sát thấy bà Thái Thị Ánh T sinh năm 1962, ngụ Tổ A, khóm B, Phường E, thành phố C đang đứng chờ khám bệnh, túi áo khoác bên trái có tiền nhô lên nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. S đi lại gần, áp sát vào người bà T dùng tay trái lấy được số tiền 167.000đồng và 01 tờ vé số kiến thiết tỉnh Đồng Tháp, số 036511, mở ngày 04/01/2021 trong túi áo khoác của bà T rồi bỏ đi chỗ khác. Đến khoảng 7 giờ 30 phút cùng ngày, S tiếp tục phát hiện bà Hồ Thị Đ sinh năm 1959, ngụ Số A, đường T, khóm M, phường MP, thành phố C đang đứng ở quầy thu phí chờ đóng tiền, bên trong túi áo khoác bên trái có 01 điện thoại di động hiệu Samsung J7 Prime, màu vàng nên S đi lại gần và áp sát vào người bà Đ dùng tay trái lấy chiếc điện thoại ra khỏi túi áo khoác của bà Đ thì bị lực lượng Công an xã MT, thành phố C bắt quả tang, S hoảng sợ nên làm rơi điện thoại xuống nền gạch. Lực lượng Công an tiến hành thu giữ:

- 01 điện thoại động hiệu Samsung J7 Prime, màu vàng là điện thoại S vừa chiếm đoạt của bà Đ.

- Tiền Việt Nam 1.995.000đồng là tiền trong túi áo khoác của bà Đ còn lại sau khi bị S lấy trộm điện thoại, bà Đ tự nguyện giao nộp để phục vụ công tác điều tra.

- Tiền Việt Nam 900.000đồng trong túi xách của S là tài sản của S, không liên quan đến việc phạm tội.

- Tiền Việt Nam 167.000đồng và 01 tờ vé số kiến thiết tỉnh Đồng Tháp, số 036511, mở ngày 04/01/2021 trong túi áo khoác của S, là tài sản S trộm được của bà Tuyết.

Ngày 05/01/2021, Công an xã MT chuyển hồ sơ và vật chứng đến Công an thành phố Cao Lãnh để giải quyết theo thẩm quyền.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 07/KL-ĐGTS ngày 12/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng Hình sự, kết luận: 01 điện thoại di động Samsung J7 Prime màu trắng có giá 2.200.000đồng.

Ngày 14/01/2021, Cơ quan điều tra tiến hành trả lại 1.995.000đồng, 01 điện thoại di động Samsung J7 Prime màu trắng cho bà Đ và trả lại 167.000đồng, 01 tờ vé số kiến thiết tỉnh Đồng Tháp, số 036511, mở ngày 04/01/2021 cho bà T. Bà Đ nhận lại tài sản không yêu cầu gì thêm. Riêng bà T trình bày, bà T bị chiếm đoạt số tiền 1.400.000đồng nhưng chỉ nhận lại được 167.000đồng nên bà T yêu cầu người thực hiện hành vi lấy trộm tiếp tục bồi thường cho bà số tiền còn lại là 1.233.000đồng. Tuy nhiên, chỉ có duy nhất lời khai của bà T còn bị cáo S không thừa nhận nên không đủ chứng cứ chứng minh S đã chiếm đoạt số tiền 1.400.000đồng của bà T.

Trong quá trình điều tra, bị cáo đã khai nhận hành vi của mình như đã nêu trên, phù hợp với lời khai của người bị hại, lời khai của người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, biên bản dựng lại hiện trường, sơ đồ, bản ảnh hiện trường, kết luận định giá và các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được trong hồ sơ vụ án.

Tại Công văn số 02/TB-VKS-TPCL ngày 21 tháng 7 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh về kết quả trả hồ sơ để điều tra bổ sung giữ nguyên Cáo trạng số 44/CT-VKS-TPCL ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh truy tố bị cáo Trần Thị Tuyết S về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo như cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Trần Thị Tuyết S phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Thị Tuyết S với mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng như cáo trạng đã nêu.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, không có ý kiến tranh luận và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện phù hợp pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Trần Thị Tuyết S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng truy tố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, sơ đồ, bản ảnh hiện trường, kết luận định giá, lời khai người làm chứng, người bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định:

Vào khoảng thời gian từ 06 giờ 10 phút đến 07 giờ 30 phút ngày 05/01/2021, tại khu vực chờ khám bệnh của Bệnh viện Đa khoa Đồng Tháp thuộc Tổ C, Ấp B, xã MT, thành phố C. Trần Thị Tuyết S lợi dụng lúc đông người và sơ hở, mất cảnh giác của người quản lý tài sản nên đã lén lút chiếm đoạt của bà Thái Thị Ánh T số tiền 167.000đồng cùng 01 tờ vé số và chiếm đoạt của bà Hồ Thị Đ 01 điện thoại di động hiệu Samsung J7 Prime, màu vàng trị giá 2.200.000đồng thì bị bắt quả tang. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 2.367.000đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo thống nhất với tội danh mà cáo trạng đã truy tố; bị cáo không có ý kiến tranh luận, thừa nhận lời luận tội của Kiểm sát viên là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

Bị cáo Trần Thị Tuyết S là người đủ tuổi, đủ năng lực trách nhiệm hình sự; thực hiện hành vi với lỗi cố ý, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp người khác; lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của người quản lý tài sản, nơi đông người, bị cáo đã trộm cắp tài sản của 02 bị hại là bà Thái Thị Ánh T với số tiền 167.000 đồng cùng 01 tờ vé số và bà Hồ Thị Đ 01 điện thoại di động trị giá 2.200.000 đồng, tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 2.367.000 đồng.

Trong phần tranh luận tại phiên tòa, lời luận tội của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa cho rằng bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh đã truy tố là có căn cứ.

Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại Điều 173 của Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

.....”

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đây là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng: Tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã xâm phạm đến tài sản của người khác mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an ở địa phương, bị cáo đã từng bị kết án nhiều lần. Do đó, cần áp dụng một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra và cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để có thời gian học tập, cải tạo, trở thành người tốt có ích cho xã hội. Đồng thời cũng có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[3] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại là Hồ Thị Đ đã nhận lại tài sản xong, không có yêu cầu gì thêm, nên không xem xét.

Bị hại là bà Thái Thị Ánh T cho rằng bị cáo đã bị chiếm đoạt số tiền 1.400.000 đồng và đã nhận lại 167.000 đồng nên yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường cho bà T số tiền còn lại là 1.233.000 đồng. Tuy nhiên quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không thừa nhận và không có chứng cứ chứng minh bị cáo đã chiếm đoạt số tiền 1.233.000 đồng của bà Thái Thị Ánh T. Do đó yêu cầu của bà Thái Thị Ánh T là không có cơ sở nên không chấp nhận.

[4] Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Trả lại cho bị cáo số tiền 900.000 đồng là tài sản cá nhân do không liên quan đến việc phạm tội.

Ngày 14/01/2021, Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản cho chủ sở hữu gồm: 1.995.000 đồng, 01 điện thoại di động Samsung J7 Prime màu trắng cho bà Đ và trả lại 167.000 đồng, 01 tờ vé số kiến thiết tỉnh Đồng Tháp, số 036511, mở ngày 04/01/2021 cho bà T là phù hợp.

[5] Về các vấn đề khác: Đối với anh Lê Văn Bé S là người chở bị cáo S đến Bệnh viện đa khoa Đồng Tháp nhưng anh Bé S không biết bị cáo S thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là phù hợp.

[6] Về án phí: Bị cáo Trần Thị Tuyết S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu của bà Thái Thị Ánh T không được chấp nhận nên bà Thái Thị Ánh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Trần Thị Tuyết S phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Trần Thị Tuyết S 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/01/2021.

- Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại là bà Hồ Thị Đ đã nhận lại đủ tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét.

Bị hại là bà Thái Thị Ánh T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền là 1.233.000 đồng là không có căn cứ nên không chấp nhận.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại cho bị cáo Trần Thị Tuyết S số tiền 900.000 đồng.

(Hiện vật chứng đang được Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh tạm quản lý theo giấy nộp tiền ngày 02/4/2021 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Đồng Tháp).

- Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Trần Thị Tuyết S phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm. Buộc bà Thái Thị Ánh T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND TPCL;
- VKDND tỉnh Đồng Tháp;
- CQĐT Công an TPCL;
- CQTHAHS Công an TPCL;
- Trại tạm giam CA tỉnh ĐT;
- Bộ phận hồ sơ nghiệp vụ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Phú Thọ